**Phụ lục số 25**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng BTC)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TYTNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: CFMCACEN210094V | *TP.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

**Bán niên 2021**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**1. Thông tin về quỹ**

a) Tên của quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF)**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: Quỹ không giới hạn về thời gian hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) : Không áp dụng

e) Chính sách phân chia lợi nhuận: Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 10.006.827,21 đơn vị quỹ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

(Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ đã được CBTT tại trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/04/2021 theo đường dẫn: https://chubblifefund.com.vn/vn-vn/investor-relations/information-disclosure.html)

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Công ty Quản lý Quỹ thực hiện tổ chức Đại hội Nhà đầu tư năm 2020 với các nội dung được thông qua như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm tài chính 2020.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Quỹ.
3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020 của Quỹ, chi tiết như sau: Quỹ không phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021 và sẽ tái đầu tư toàn bộ lợi nhuận.
4. Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2021.
5. Thông qua Báo cáo chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2020 và ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2021. Trong đó ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2021 là 180.000.000 VNĐ (một trăm tám mươi triệu đồng), chi tiết như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Loại chi phí | Ngân sách 2021 |
| I | Thù lao | 180.000.000 |
| II | Chi phí đi lại | 0 |
| III | Chi phí khác | 0 |
|  | Tổng cộng | 180.000.000 |

1. Chấp thuận ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm tài chính 2021.
2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ như nêu tại Phụ lục “Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng CHUBB (CBPF)”

i)Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

**2.** **Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ**

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm 30/06/2021:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài sản đầu tư** | **Giá trị đến ngày 30/06/2021** |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.321.281.100 |
| Các khoản tương đương tiền | 0 |
| Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng | 90.800.000.000 |
| Chứng chỉ tiền gửi | 15.000.000.000 |
| Khác | 3.467.764.384 |
| **Tổng cộng** | **110.589.045.484** |

- Giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06/2021:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2021** |
| Giá trị tài sản ròng của quỹ ngày 30/06/2021 | 110.305.485.761 |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành |  |
| * Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2021 | 11.023,02 |
| * Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2021 | 10.006,827,21 |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong kỳ |  |
| * Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất | 11.023,02 |
| * Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất | 10.805,78 |

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập):

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2021** |
| **Tổng thu nhập của Quỹ** | **3.372.436.164** |
| - Lãi suất tiền gửi được nhận trong kỳ | 2.926.381.370 |
| - Lãi suất chứng chỉ tiền gửi trong kỳ | 446.054.794 |
| **Tổng chi phí của Quỹ** | **1.128.259.398** |
| **Tổng lợi nhuận của Quỹ tại ngày 30/06/2021** | **2.244.176.766** |

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận:

Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tại thời điểm 30/06/2021** | **Tại thời điểm 30/06/2020** |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 2,06% | 2,09% |

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tốc độ vòng quay danh mục** | **30/06/2021** | **30/06/2020** |
| Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ bán niên | 13,70% | 9,55% |

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

1. trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm) là 4,44%, trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng lợi nhuận** | **Lợi nhuận đã**  **thực hiện**  **(VNĐ)** | **Lợi nhuận chưa thực hiện**  **(VNĐ)** | **Tổng**  **(VNĐ)** |
| Trong thời hạn từ ngày 30/06/2020 đến ngày 30/06/2021 | 4.855.704.574 | 0 | 4.855.704.574 |

1. trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): Không có
2. trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): Không có

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi ngân hàng giám sát Standard Chartered bank (Vietnam) Limited.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được HNX cung cấp.

d) Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trong quá khứ chỉ mang tính chất tham khảo và không có hàm ý hay cam kết việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà Đầu Tư trong tương lai.

**3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ**

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Quỹ vẫn đang trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm đạt được Mục tiêu đầu tư đề ra trong Bản cáo bạch Quỹ (Mục tiêu của Quỹ là tăng trưởng vốn trung và dài hạn)

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):

- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này

- Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX. Kết quả so sánh từ ngày 30/06/2020 đến 30/06/2021 chi tiết như sau:

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

- Do Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này

- Chỉ số tham chiếu của Quỹ là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX, tuy nhiên do Quỹ mới thành lập từ ngày 03/04/2019 nên chưa đủ số liệu để so sánh cho phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Quỹ CBPF vẫn giữ nguyên chiến lược đầu tư đã công bố trong Bản cáo bạch Quỹ và dự kiến sẽ nâng cao tỷ trọng đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao và các chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính có lãi suất tốt.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cơ cấu danh mục đầu tư** | **CBPF** | |
| **30/06/2021** | **30/06/2020** |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.321.281.100 | 263.828.446 |
| Các khoản tương đương tiền | 0 | 12.000.000.000 |
| Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng | 90.800.000.000 | 81.000.000.000 |
| Chứng chỉ tiền gửi | 15.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Tài sản khác | 3.467.764.384 | 3.002.750.684 |
| **Tổng cộng** | **110.589.045.484** | **106.266.579.130** |

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này và kỳ báo cáo gần nhất:

Trong kỳ báo cáo Quỹ chưa phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư

- NAV/đơn vị quỹ tại ngày định giá tại ngày 30/06/2020 là 10.539,27 VNĐ

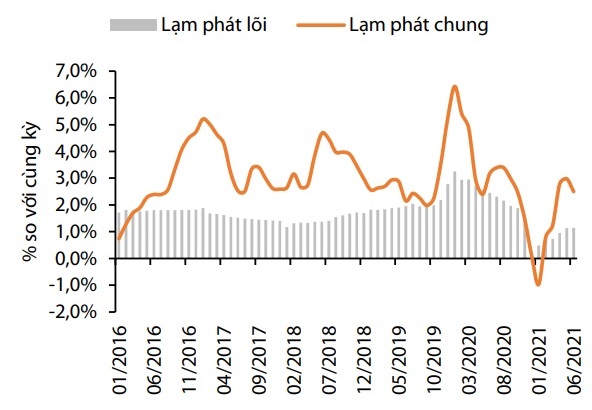
- NAV/đơn vị quỹ tại thời điểm 30/06/2021 là 11.023,02 VNĐ tăng 4,59%

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).

**Kinh tế Vĩ mô:**

**Nền kinh tế quý 2/2021 chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19:** Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64% thấp hơn mục tiêu đề ra của chính phủ, và để đạt được mục tiêu tăng GDP 6,5% trong năm nay thì tăng trưởng 6 tháng cuối năm phải đạt trên 7,2%. 6 tháng đầu năm 2021 chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm giãn cách xã hội, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%. GDP được dự báo có thể được cải thiện trong Quý 3 ở mức khoảng 6,6-7% khi hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước dần được phục hồi.

**Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47% %** so với bình quân cùng kỳ năm 2021, thấp hơn năm 2021. Rủi ro lạm phát trong quý 2 đến từ giá lương thực, thực phẩm đặc biệt là giá thực phẩm có xu hướng tăng mạnh trong ngắn hạn do làn sóng tích trữ lương thực và sản lượng suy giảm ở đồng bằng sông Cửu Long. Giá dầu thô thế giới được dự báo sẽ tăng khoảng 30% trong năm 2021 và sự phục hồi của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tạo áp lực lên giá cả nhiều hàng hoá, dịch vụ trong thời gian tới.



**Về hoạt động sản xuất:** theo IHS Markit, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers’ Index - PMI) của Việt Nam đạt 44,1 trong tháng 6, giảm mạnh so với 53,1 trong tháng 5 và nằm dưới ngưỡng trung tính 50 điểm lần đầu tiên trong năm tháng. Kết quả chỉ số thể hiện tình trạng kinh doanh suy giảm mạnh nhất trong hơn một năm và kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 6 tháng. Rào cản lớn nhất cho việc phục hồi mạnh mẽ sắp tới là kết quả hoạt động của nền kinh tế thế giới, khi ảnh hưởng của virus vẫn đang lan rộng. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm, trong khi các công ty tiếp tục gặp khó khăn khi Việt Nam bắt đầu thực hiện giãn cách xã hội.

**Hoạt động xuất nhập khẩu vẫn là điểm sáng trong lĩnh vực kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2021,** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng năm 2021 đạt 316,73 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó xuất khẩu đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4%; nhập khẩu đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1%. Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 1,47 tỷ USD. Tuy vậy, dự báo sẽ cán cân thương mại sẽ thặng dư khi số đơn hàng suất khẩutrong các quý tới từ các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc sẽ tăng trưởng mạnh.

**Chính sách tiền tệ**:

Tăng trưởng tín dụng đến ngày 21/06/2021 đạt 5.47% so với đầu năm, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng huy động vốn chỉ là 3.13% và tổng phương tiện thanh toán là 3.48%.Trong bối cảnh các thị trường tài sản như chứng khoán hay bất động sản tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ đã hút một lượng vốn lớn từ kênh tiền gửi chảy sang, cũng như hạn chế bớt dòng vốn mới chảy vào ngân hàng, ngược lại dư nợ tín dụng đã tăng trưởng khá tốt trong 4 tháng đầu năm nay dựa trên kỳ vọng nền kinh tế phục hồi trở lại, trước khi có tín hiệu tăng chậm lại khi Việt Nam bước vào đợt bùng phát dịch lần thứ 4 kéo dài từ đầu tháng 5 đến nay. Có thể thấy chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn đang ngày càng mở rộng.

**Thị trường chứng khoán:**

Thị trường chứng khoán Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 có bước tăng trưởng mạnh, lập kỷ lục lịch sử về điểm số, thanh khoản, số tài khoản mở mới...Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 6/2021, chỉ số VN-Index đạt mức 1.408,55 điểm, tăng 6,06% so với tháng 5/2021 và tăng 27,6% so với cuối năm 2020 và tăng mạnh 112.6% so với thời điểm cuối tháng 3/2020 (thời điểm vùng đáy của thị trường). Trong khi đó, chỉ số VNAllshare đạt 1.423,95 điểm, tăng 4,25% so với tháng 05/2021 và tăng 37,92% so với cuối năm 2020; VN30 đạt 1.529 điểm, tăng 3,68% so với cuối tháng 05/2021 và tăng 42,79% so với cuối năm 2020. Căng thẳng chính trị Mỹ - Trung và đặc biệt biến cố dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên toàn cầu sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường tài chính toàn cầu và Việt Nam

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách):

Quỹ không thực hiện việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 30/06/2021 tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của người có liên quan là 99,56%

m) Các thông tin khác (nếu có): Không có

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:**

Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Chubb Life trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“CBPF” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.
2. Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.
3. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

1. Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã thực hiện:

• Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 1.768,36 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 17.683.600 đồng.

• Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 31.162,99 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 311.629.900 đồng.

1. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Các dịch vụ Lưu ký tài sản của Quỹ, dịch vụ Giám sát, dịch vụ Quản trị Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Ban Vietnam Limited. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Chi tiết chi phí như sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi phí hoạt động Quỹ mở** | **Kỳ báo cáo 01/01/2021 – 30/06/2021** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động** |
| 1. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở | 69.420.000 | 3,09% | 6,15% |
| 2. Phí dịch vụ giám sát | 105.600.000 | 4,71% | 9,36% |
| 3. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở | 213.675.000 | 9,52% | 18,94% |
| 4. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng | 66.000.000 | 2,94% | 5,85% |

b) Các hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng tới lợi nhuận và mức độ rủi ro của quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Tổng chi phí trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) cho dịch vụ ủy quyền là: 454.695.000 VNĐ

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên nhận ủy quyền** | **Số tiền** |
| Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) | 388.695.000 |
| Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD) | 66.000.000 |
| **Tổng cộng (VND)** | **454.695.000** |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư:

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý quỹ, bên nhận Ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa...bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TP.HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2021**  **Phó Chủ tịch Công ty quản lý quỹ**  **Bùi Thanh Hiệp** |